TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00722 R 16/8/2011 · Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phòng chống cháy rừng (205115) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/07/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09114001	ĐƯỜNG XUÂN NGUYỄN	ANH	DH09LN	1		1,1	1	1
2	07146068	LÊ HỮU	ANH	DH08NK	1		2,5	2	5
3	09147004	VĂN THÀNH	ÁNH	DH09QR	1		1,8	1	8
4	08147010	HUỲNH LÊ ANH	BIN	DH08QR	1	Bin	5,9	5	9
5	08114122	HỒ HỮU	CHUNG	DH08LN	1		4,3	4	3
6	08147027	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH08QR	1		6,3	6	3
7	09114091	NGUYỄN THỊ	DIỆU	DH09LN	1		4,3	4	3
8	08147031	BÙI DANH	DŨNG	DH08QR	1		6,6	6	6
9	09147016	LÊ VIỆT	DŨNG	DH09QR	1		8,0	8	0
10	09114011	NGUYỄN QUANG	DŨNG	DH09LN	1		5,9	5	9
11	09114012	PHÙNG ĐỨC	DŨNG	DH09LN	1		6,3	6	3
12	08147041	ĐÀO TRỌNG	ĐÔNG	DH08QR	1		3,9	3	9
13	09114095	TRẦN THỊ THANH	HÀ	DH09LN	1		8,0	8	0
14	08147054	NGUYỄN HỮU	HẢI	DH08QR	2		7,3	7	3
15	08147056	PHẠM SĨ	HẢI	DH08QR	2		7,0	7	0
16	08147058	PHẠM THỊ TUYẾT	HẠNH	DH08QR	2		9,0	9	0
17	09114097	PHẠM TRỌNG	HIẾU	DH09LN	1		5,9	5	9
18	08147069	TRẦN THỊ KIM	HOA	DH08QR	1	Hoa	9,0	9	0

Số bài: 26 ; Số tờ: 29

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 21 tháng 7 năm 2011

Chau Minh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00722

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Phòng chống cháy rừng (205115) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 15/07/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08147076	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	DH08QR	1		3,6	3	6
20	08147090	TRẦN PHƯỚC	HÙNG	DH08QR	1		4,6	4	6
21	08147082	ĐOÀN TẤN	HUY	DH08QR	1		5,6	5	6
22	09147042	CHÂU TÔ	HUỲNH	DH09QR	1		6,6	6	6
23	09147044	TRẦN ĐÌNH	HƯNG	DH09QR	1		6,3	6	3
24	08147094	ĐẶNG TRUNG	HƯỚC	DH08QR	1		5,9	5	9
25	08147095	NGUYỄN XUÂN	HỮU	DH08QR	1		4,6	4	6
26	08147096	TÔ ĐỨC	HỮU	DH08QR	1		9,0	9	0

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 7 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

R 16/8/2011 MẪU IN M9205

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học Phòng chống cháy rừng (205115) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1
Ngày Thi 15/07/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD303

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi Chú
1	09147046	LÝ TRẦN	KHA	20/08/91	DH09QR	1		4,9	(Bốn, chín)	
2	08147101	NGUYỄN HỮU	KHẮP	27/10/87	DH08QR	1		9,0	(Chín)	
3	08147105	HUỲNH THỊ KIỀU	KHƯƠNG	17/03/90	DH08QR	1		6,6	(Sáu, sáu)	
4	08114042	TRẦN QUỐC	KIÊN	06/03/90	DH08LN	1		5,6	(Năm, sáu)	
5	08147108	NGUYỄN THỊ NGỌC	LÂM	01/12/90	DH08QR	1		9,0	(Chín)	
6	08147109	NGUYỄN VĂN	LÂM	13/11/90	DH08QR	2		7,3	(Bảy, ba)	
7	09147051	PHẠM GIA	LÂM	05/06/88	DH09QR	1		7,0	(Bảy)	
8	08147110	TRẦN NGỌC	LÂM	29/07/90	DH08QR	1		6,3	(Sáu, ba)	
9	08147112	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	LIÊN	25/07/89	DH08QR	1		7,0	(Bảy)	
10	09147053	PHẠM VŨ	LINH	20/12/91	DH09QR	1		7,7	(Bảy, bảy)	
11	08147115	ĐINH THỊ PHƯƠNG	LOAN	13/07/90	DH08QR	1		8,7	(Tám, bảy)	
12	09147055	NGÔ CÔNG	LỘC	25/08/91	DH09QR	2		5,6	(Năm, sáu)	
13	08147131	NGUYỄN VĂN	MỪNG	24/12/88	DH08QR	1		6,6	(Sáu, sáu)	
14	09147063	NGUYỄN TRUNG	MỸ	08/07/91	DH09QR	1		4,6	(Bốn, sáu)	
15	08114057	TRỊNH PHƯƠNG	NAM	03/10/90	DH08LN	1		4,3	(Bốn, ba)	
16	09114102	LÂM THỊ HUỲNH	NGA	05/03/91	DH09LN	1		5,6	(Năm, sáu)	
17	08147135	TRẦN NỮ QUỲNH	NGA	19/10/90	DH08QR	1		6,6	(Sáu, sáu)	
18	08147139	VÕ XUÂN	NGHĨA	13/09/89	DH08QR	2		7,7	(Bảy, bảy)	
19	08147140	TRẦN VĂN	NGỘ	11/05/90	DH08QR	1		5,9	(Năm, chín)	
20	09147070	BÙI THỊ HỒNG	NHUNG	22/08/91	DH09QR	2		5,6	(Năm, sáu)	
21	08114142	HỒ THỊ	NHUNG	10/10/90	DH08LN	1		4,6	(Bốn, sáu)	
22	08146065	PHẠM THỊ	NHUNG	02/09/90	DH08NK	1		7,3	(Bảy, ba)	
23	08147147	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	31/12/90	DH08QR	1		9,0	(Chín)	
24	09114043	NGUYỄN ĐỨC MINH	PHÚ	28/07/91	DH09LN	1		6,3	(Sáu, ba)	
25	09114047	NGUYỄN MINH	PHƯỢNG	20/08/91	DH09LN	1		5,9	(Năm, chín)	
26	08146073	CAO VĂN	QUANG	20/04/88	DH08NK	1		3,9	(Ba, chín)	
27	08147155	TRƯƠNG MINH	QUANG	21/10/88	DH08QR	1		2,8	(Hai, tám)	
28	08147159	TRẦN THỊ	QUYẾT	19/09/90	DH08QR	1		7,3	(Bảy, ba)	
29	08114166	PHẠM MINH	RÓT	22/12/90	DH08LN	1		4,6	(Bốn, sáu)	
30	08147165	TRẦN CẢNH	SANG	20/12/90	DH08QR	1		6,3	(Sáu, ba)	
31	08147168	NGUYỄN HỮU	SƠN	17/03/89	DH08QR	1		6,3	(Sáu, ba)	
32	08147170	NGUYỄN VĂN	SỸ	10/10/90	DH08QR	1		6,3	(Sáu, ba)	
33	08147172	TRẦN THỊ KIM	TÁNH	16/03/90	DH08QR	1		6,6	(Sáu, sáu)	
34	09147093	ĐÀM ĐỨC	TÂN	14/10/91	DH09QR	1		2,5	(Hai, năm)	
35	08147175	HỒ ĐÌNH	TÂN	30/02/89	DH08QR	1		2,1	(Hai, một)	
36	08147184	NGUYỄN ĐẠI	THẠCH	08/10/90	DH08QR	1		6,6	(Sáu, sáu)	
37	09147096	NGUYỄN TRỌNG	THANH	30/12/91	DH09QR	1		5,6	(Năm, sáu)	
38	09114112	DƯƠNG VĂN	THÀNH	12/12/91	DH09LN	2		6,6	(Sáu, sáu)	
39	09147101	TRẦN VĂN	THÀNH	11/12/91	DH09QR	1		5,6	(Năm, sáu)	

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Phòng chống cháy rừng (205115) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi Chú
40	08147181	HUỲNH THÁI	THẢO	21/04/90	DH08QR	1		9,0	(Chín)	
41	08147185	NGUYỄN HỮU	THẮNG	03/01/90	DH08QR	1		8,7	(Tám, bảy)	
42	08147186	VŨ VĂN	THẮNG	/08/89	DH08QR	1		3,6	(Ba, sáu)	
43	08147189	QUÁCH TRUNG	THÔNG	18/07/90	DH08QR	1		7,3	(Bảy, ba)	
44	09147106	NGUYỄN THỊ	THỦY	03/07/90	DH09QR	1		2,5	(Hai, năm)	
45	08147195	ĐOÀN THỊ	THỦY	01/01/90	DH08QR	1		7,3	(Bảy, ba)	
46	08147196	MAI THỊ	THỦY	12/02/90	DH08QR	1		5,9	(Năm, chín)	
47	08147198	TĂNG HOÀI	THƯƠNG	27/02/90	DH08QR	1		6,3	(Sáu, ba)	
48	09114083	RAHLAN	TIẾT	06/02/88	DH09LN	1		1,4	(Một, bốn)	
49	08147244	CIL	TOAN	25/09/89	DH08QR	1		7,0	(Bảy)	
50	08147208	NGÔ VŨ	TRÁNG	12/05/90	DH08QR	1		7,3	(Bảy, ba)	
51	08147213	NGUYỄN ĐÌNH	TRÍ	19/05/90	DH08QR	1		6,3	(Sáu, ba)	
52	08147209	LÊ ĐỨC	TRIỀU	16/07/90	DH08QR	1		7,3	(Bảy, ba)	
53	08114158	VÕ PHONG	TRỌNG	10/11/90	DH08LN	1		6,6	(Sáu, sáu)	
54	08147215	LÊ MINH	TRUNG	18/10/90	DH08QR	1		9,0	(Chín)	
55	08114098	NGUYỄN MẠNH	TRƯỜNG	08/08/90	DH08LN	1		6,6	(Sáu, sáu)	
56	08147232	HỒ VĨNH	TƯỜNG	29/02/90	DH08QR	1		4,6	(Bốn, sáu)	
57	08147233	NGUYỄN MINH	TỲ	/ /89	DH08QR	1		6,3	(Sáu, ba)	
58	09146077	LÂM	VĂN	27/11/90	DH09NK	1		4,6	(Bốn, sáu)	
59	08147237	HỒ MINH	VŨ	10/10/90	DH08QR	1		8,7	(Tám, bảy)	
60	08147239	NGÔ TRƯƠNG	VŨ	09/03/90	DH08QR	1		7,7	(Bảy, bảy)	
61	09147130	PHẠM TRƯỜNG	VŨ	20/06/91	DH09QR	1		4,6	(Bốn, sáu)	

Ngày 28 Tháng 7 Năm 2011

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Hồ. T. T. Dung — Ng Lê Hồng Thuỷ

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Phan Minh Xuân